

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 458/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm: 1987 (Có mặt);
2. *Bị đơn:* Bà Trần Mộng Thùy D, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1760 Tỉnh lộ 8, tổ 1, ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 20/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh Th trình bày:*

Ông và bà Trần Mộng Thùy D xây dựng gia đình năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Củ Chi, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình xong, vợ chồng ông sống tại nhà cha mẹ ông, sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong vấn đề kinh tế gia đình, bà D sử dụng tiền bạc không hợp lý, không trao đổi với ông mà tự ý quyết định, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, gây gỗ làm phiền cha mẹ ông, ngoài ra giữa gia đình ông và gia đình bà D cũng không thuận thảo, vợ chồng ông đã ly thân hơn 01 năm nay, bà D đi làm ở tỉnh Bình Dương, đi đi về về, giao con cho ông nuôi dưỡng, bà D đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý đến Tòa án, ông nhận thấy vợ chồng ông không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn.

Ông và bà D có 01 con chung tên Nguyễn Phương Khả D1, sinh ngày 28/01/2016, bà D đi làm suốt nên giao con cho ông chăm sóc, hiện con chung đang sống với ông nên ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung ông và bà D tự thỏa thuận, nợ chung không có.

* Bị đơn là bà Trần Mộng Thùy D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 20/12/2021, ông Nguyễn Mạnh Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Mộng Thùy D, con chung có 01 cháu ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là bà D cư trú tại ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có xác nhận nơi cư trú của Công an xã H, huyện C do ông Th nộp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là bà Trần Mộng Thùy D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (mẹ bà Th là bà Trần Thị L nhận thay các văn bản tố tụng) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt bà Dương theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Mạnh Th và bà Trần Mộng Thùy D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp ngày 12/8/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của ông Th thì ông và bà D tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống bên gia đình ông Th, có hạnh phúc, từ năm 2018 cho đến nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình và giữa gia đình 02 bên cũng không thuận thảo, ông bà sống ly thân hơn 01 năm nay, ông nhận thấy giữa ông và bà D không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét bà D không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy bà D không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với ông Th, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do ông Th cung cấp, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa ông Th và bà D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Th được ly hôn với bà D là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Ông Th và bà D có 01 con chung tên Trần Phương Khả D1, sinh ngày 28/01/2016, ông Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu D1 hiện đang sống cùng ông Th, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội

đồng xét xử giao cháu D1 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Th không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của ông Th, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này ông Th có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Ông Th xác định ông và bà D tự thỏa thuận, không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Th xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc ông Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh Th về việc cho ly hôn giữa ông Nguyễn Mạnh Th và bà Trần Mộng Thùy D.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 12/8/2013 cho ông Th và bà D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Th và bà D có 01 con chung tên Trần Phương Khả D1, sinh ngày 28/01/2016.

Giao cháu D1 cho ông Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Th về việc tạm thời không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định₃ thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc

trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Th xác định ông và bà D tự thỏa thuận không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Th xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043718 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**